BỘ ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI TOÁN LỚP 3
(Mỗi đề làm trong 60 phút)

Đề 1

I/ Trắc nghiệm : Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng:

Bài 1:(1điểm).Số lớn nhất có 3 chữ số là :

a. 989 b. 100 c. 999 d. 899

Bài 2:(1điểm). Khoảng thời gian từ 8 giờ kém 10 phút đến 8 giờ 30 phút là:

a. 20 phút b. 30 phút c. 40 phút d. 50 phút

Bài 3:(1điểm). Trong các phép chia có dư với số chia là 7, số dư lớn nhất là:

a. 4 b. 5 c. 6 d. 7

Bài 4:(1điểm).Số gồm 3 đơn vị , 7trăm , 8 chục và 2 nghìn là:

a. 3782 b. 7382 c. 3782 d. 2783

II/ Tự luận

Bài 1:(2điểm). Tìm số có ba chữ số biết chữ số hàng trăm gấp đôi chữ số hàng chục , chữ số hàng chục gấp ba lần chữ số hàng đơn vị .

Bài 2:(2điểm). Ngày 6 tháng 7 là thứ ba . Hỏi ngày 5 tháng 9 cùng năm đó là thứ mấy ?

Bài 3:(2điểm). Ông năm nay hơn cháu 63 tuổi , hai năm nữa ông sẽ gấp 8 lần tuổi cháu . Hỏi hiện nay cháu bao nhiêu tuổi , ông bao nhiêu tuổi .

Đề 2

I/ Trắc nghiệm : Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). Cho dãy số : 2780 , 2790 , . . . , . . . hai số ở chỗ chấm là

A . 2791 ,2792 B. 2750 ,2760 C .2800 ,2810

Bài 2:(1điểm). Cho phép chia 895 : 3 . tổng của số bị chia , số chia , thương là

A . 197 B . 298 C . 1097 D. 1197

Bài 3:(1điểm). Số có hai chữ số mà tổng của chúng bằng 14 và hiệu của chúng bằng 4 là :

A . 84 ,48 B . 95 , 59 C .62 , 26

Bài 4:(1điểm). Số nào cộng với 17 090 để có tổng bằng 20 000 :

A. 2010 B.2910 C. 3010 D. 1003

II/ Tự luận:

Bài 1:(2điểm). Năm nay mẹ 30 tuổi , hơn con 26 tuổi. Hỏi trước đây 2 năm tuổi con bằng một phần mấy tuổi mẹ?

Bài 2:(2điểm). Có 62 m vải, may mỗi bộ quần áo hết 3 m . Hỏi có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy m vải?

Bài 3:(2điểm). Hãy cắt một hình vuông thành 3 mảnh và ghép thành một hình tam giác.

Đề 3

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). 5m 6cm = ……cm, số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 56 B. 506 C. 560 D. 6006

Bài 2:(1điểm). $\frac{1}{3}$kg ….. $\frac{1}{2}$ giờ , số cần điền là:

A. > B. < C. = D. không có dấu nào

Bài 3:(1điểm). Trong một phép chia hết, số bị chia là số có 3 chữ sốvà chữ số hàng trăm bé hơn 8 , số chia là 8 thương trong phép chia đó là:

A. Số có một chữ số B. Số có 2 chữ số C. Số có 3 chữ số.

Bài 4:(1điểm). Phép chia nào đúng?

A. 4083 : 4 = 102 (dư 3) B. 4083 : 4 = 120 (dư 3)

C. 4083 : 4 = 1020 (dư 3) D. 4083 : 4 = 12 (dư 3)

II/ Tự luận:

Bài 1:(2điểm). Có hai chuồng lợn, mỗi chuồng có 12 con. Người ta chuyển 4 con lợn từ chuồng thứ nhất sang chuồng thứ hai. Hỏi khi đó số lợn ở chuồng thứ nhất bằng một phần mấy số lợn ở chuồng thứ hai?

Bài 2:(2điểm). Năm nay mẹ 30 tuổi , gấp 5 lần tuổi con.Hỏi sau mấy năm nữa tuổi con sẽ bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ ?

Bài 3:(2điểm). Một đoàn khách du lịch có 35 người đi thăm quan chùa Hương bằng xe ô tô. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu xe ôtô để chở hết số khách đó . Biết rằng mỗi xe chỉ chở được 7 người (kể cả người lái xe).

Đề 4

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). 100 phút …. 1 giờ 30 phút, dấu điền vào chỗ chấm là :

A. < B. > C. = D. không có dấu nào.

Bài 2:(1điểm). Khoảng thời gian từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối kim giờ và kim phút gặp nhau số lần là :

A. 10 lần B. 11 lần C. 12 lần D. 13 lần

Bài 3:(1điểm). Số bé nhất trong các số : 5067 , 5760 , 6705 , 5076 là:

A. 5067 B. 5760 C. 6705 D. 5076

Bài 4:(1điểm). Một hình vuông có chu vi là 72cm, cạnh của hình vuông đó là :

A. 18 mm B. 36 cm C. 180 mm D. 1800mm

II/Tự luận:

Bài 1:(2điểm). Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài120m. Chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài .

a. Tính chu vi thửa ruộng đó.

b. Dọc theo chiều dài người ta chia thửa ruộng đó thành 2 phần , một phần là hình vuông có cạnh bằng chiều rộng thửa ruộng, phần còn lại là một hình chữ nhật. Tính chu vi phần còn lại của thửa ruộng đó.

Bài 2:(2điểm). Một bể có thể chứa đầy được 1800 lít nước. Có 2 vòi nước chảy vào bể . Vòi thứ nhất chảy 10 phút được 40 lít nước , vòi thứ hai chảy 6 phút được 30 lít nước. Hỏi khi bể cạn, cả hai vòi chảy trong bao lâu thì đầy bể?(Biết rằng trong quá trình 2 vòi chảy đều không có sự cố gì.)

Bài 3:(2điểm). Có 10 bao gạo , nếu lấy ra ở mỗi bao 5 kg thì số gạo lấy ra bằng số gạo của 2 bao nguyên . Hỏi tất cả có bao nhiêu kg gạo ?

Đề 5

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). 76 345 > 76 x48 > 76 086

A. x=1 hoặc 2 B. x= 2 hoặc 3 C. x= 1 hoặc 4 D. x= 4 hoặc 5

Bài 2:(1điểm). 50 510 : 5 =

A. 1012 B. 10102 C. 1102 D. 112

Bài 3:(1điểm). 2 giờ 30 phút …. 230 phút

A. > B. < C. = D. không có dấu nào.

Bài 4:(1điểm). 53…6 < 5316 , số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 0

II/Tự luận:

Bài 1:(2điểm). Có 10 con chim đậu trên lưng một đàn trâu. Nếu có thêm 6 con trâu nữa thì số trâu bằng số chim .

a, Tìm số trâu.

b, Có tất cả bao nhiêu chân chim và chân trâu?

Bài 2 :(2điểm). Lớp 3 A có 32 học sinh xếp vừa đủ ngồi vào 8 bàn học . Hỏi lớp 3B có 31 học sinh thì cần ít nhất bao nhiêu bàn học như thế?

Bài 3:(2điểm). Một hình chữ nhật có chu vi 72 cm và chu vi gấp 8 lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Đề 6

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). (1đ).Số thích hợp để điền vào chỗ chấm trong dãy số : 1, 3, 6, 9, 12…

A. 15 B. 13 C. 16 D. 19

Bài 2:(1điểm). Ngày 23 tháng tám là chủ nhật, ngày 2 tháng chín năm đó là:

A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

Bài 3:(1điểm). 51…VI, dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. = D. Không có dấu nào.

Bài 4:(1điểm). $\frac{1}{4}$ ngày…$\frac{1}{3}$ ngày, dấu cần điền là:

A. > B. < C. = D. Không có dấu nào.

II/ Tự luận

Bài1:(2điểm). Có 6 h/s mua quà sinh nhật để tặng bạn. Họ đưa cô bán hàng

50 000 đồng và nhận số tiền trả lại là 8 000 đồng. Nếu chia đều số tiền mua quà sinh nhật cho 6 người thì mỗi người phải trả bao nhiêu tiền?

Bài2:(2điểm). Lan chia 56 viên kẹo cho Hồng và Huệ. Mỗi lần Lan chia cho Hồng 4 viên lại chia cho Huệ 3 viên. Hỏi mỗi bạn nhận được bao nhiêu viên kẹo?

Bài3:(2điểm). Tìm diện tích một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật có chiều dài 12cm,

chiều rộng bằng nửa chiều dài.

Đề 7

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). Ngày mai của hôm qua là:

A. Hôm kia B. Hôm nay C. Ngày mai

Bài 2:(1điểm). Những tháng có 30 ngày là:

A. 4,7,9,11 B. 5,6,9,11 C. 4,6,9,11

Bài 3:(1điểm). Kim giờ quay được 1vòng thì kim phút quay đươc số vòng là:

A. 1 vòng B. 12 vòng C. 24 vòng D. 13 vòng

Bài 4:(1điểm). 53…6 < 5316 . Số cần điền vào chỗ chấm là :

A. 1 B. 2 C. 3 D. o

II/ Tự luận:

Bài:(2điểm). Hai thùng có 58 lít dầu , nếu thêm vào thùng thứ nhất 5 lít thì thùng thứ nhất có số dầu kém thùng thứ hai 2 lần. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu.

Bài 2:(2điểm). Bác An cưa một thanh sắt thành các đoạn bằng nhau , mỗi đoạn 2m . Bác cưa 4 lần . Hỏi thanh sắt dài mấy mét?

Bài 3:(2điểm). Hồng hỏi Lan " bây giờ là mấy giờ ?" Lan trả lời : " Thời gian từ 12 giờ trưa đến bây giờ bằng $\frac{1}{3}$ thời gian từ bây giờ đến hết ngày". Vậy bây giờ là mấy giờ?

Đề 8

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là;

A. 99 B. 89 C. 98 D. 97

Bài 2:(1điểm). Trong các số ; 537, 701, 492 , 609 , 573 , 476 ,số lớn nhất là:

A. 537 B.701 C. 573 D. 492

Bài 3:(1điểm). Trong các phép chia có số chia là 5 , số dư lớn nhất là :

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Bài 4:(1điểm). (15 + 3) : 2 ….(13+ 5) : 2 , dấu cần điền vào chỗ chấm là :

A. > B. = C. < D. không có dấu nào

II/ Tự luận:

Bài 1:(2điểm). Cho dãy số : 0, 7 , 14 ,…., ….. ,…..

Nêu qui luật viết các số trong dãy và viết thêm 3 số hạng tiếp theo của dãy.

Bài 2:(2điểm). Cửa hàng bán được 227 kg gạo nếp và gạo tẻ. Nếu cửa hàng bán thêm 13 kg gạo tẻ thì số gạo tẻ gấp đôi số gạo nếp. Tính số gạo tẻ , số gạo nếp cửa hàng bán được .

Bài 3:(2điểm). Có 2 thùng dầu , thùng thứ nhất đựng 42 lít . Nếu lấy $\frac{1}{7}$ số dầu ở thùng thứ nhất và $\frac{1}{8}$ số dầu ở thùng thứ hai thì được 12 lít. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu?

Đề 9

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). 1kg ….1km , dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. = D. không có dấu nào

Bài 2:(1điểm). 10 km …..9989 m , dấu cần điền là :

A. = B. > C. < D. không có dấu nào.

Bài 3:(1điểm). Số tháng có 30 ngày trong một năm là:

A. 5 B. 4 C.6 D. 7

Bài 4:(1điểm). Chữ số 6 trong số 9367 chỉ :

A. 6 trăm B. 6 nghìn C. 6 chục D. 6 đơn vị

II/ Tự luận :

Bài 1:(2điểm). Hai túi có số bi bằng nhau , nếu lấy 10 viên bi ở túi thứ nhất bỏ sang túi thứ hai thì lúc đó số bi ở túi hai gấp 3 lần số bi ở túi một. Hỏi lúc đầu mỗi túi có bao nhiêu viên bi?

Bài 2:(2điểm). Tìm một số, biết rằng nếu giảm số đó đi 3 lần rồi lại giảm tiếp đi 5 lần thì được số mới bằng $\frac{1}{2}$ số nhỏ nhất có 2 chữ số.

Bài 3:(2điểm). Một hình vuông được chia thành 2 hình chữ nhật .Tính chu vi hình vuông, biết rằng tổng chu vi 2 hình chữ nhật là 6420 cm.

Đề 10

I/ Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bài 1:(1điểm). Số ở giữa 2 số 27 909 và 27 911 là:

A. 27 908 B. 27 9010 C. 27 9012 D. 27 910

Bài 2:(1điểm). Số có 3 chữ số khác nhau lớn nhất là :

A. 999 B. 897 C. 987 D. 798

Bài 3:(1điểm). Bố đi làm về lúc 17 giờ kém 15 phút . Mẹ đi làm về sớm hơn bố 30 phút. Vậy mẹ đi làm về lúc:

A. 17 giờ 45 phút B. 16 giờ 30 phút C.16 giờ15 phút

Bài 4:(1điểm). Trong phép chia , số chia là 7. Có thể có mấy số dư ?

A. 6 B. 5 C. 4 D. 7

II/ Tự luận:

Bài 1:(2điểm). Hồng nghĩ ra một số. Biết rằng $\frac{1}{3}$ số Hồng nghĩ gấp lên 3 lần rồi lấy đi $\frac{1}{5}$ kết quả thì được 12 . Tìm số Hồng nghĩ.

Bài 2 :(2điểm). Tuổi Tí bằng $\frac{1}{6}$ tuổi mẹ và bằng $\frac{1}{7}$ tuổi bố . Bố hơn mẹ 5 tuổi .Tìm tuổi của mỗi người.

Bài 3:(2điểm). Một hình chữ nhật có chu vi gấp đôi chu vi hình vuông cạnh 415m . Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật đó. Biết chiều dài gấp 4 lần chiều rộng .

Đề 11

Bài 1: (3 điểm)
Tìm số có hai chữ số. Biết rằng nếu viết thêm chữ số 2 vào bên trái số đó ta được số mới gấp 5 lần số ban đầu.

Bài 2: (2 điểm).
Em hãy viết tiếp vào dãy số sau 2 chữ số nữa và giải thích cách viết?
8, 10, 13, 17, 22....

Bài 3: (3 điểm)
Hai tấm vải dài ngắn khác nhau. Tấm vải ngắn ít hơn tấm vải dài là 30m. Biết rằng $\frac{1}{5}$ tấm vải ngắn bằng $\frac{1}{7}$ tấm vải dài.
Tính mỗi tấm vải dài bao nhiêu mét.

Bài 4: (2 điểm).
Với 3 que tăm. Em có thể xếp được những số La mã nào?

Bài 5: (2 điểm).
Cho hình vẽ bên

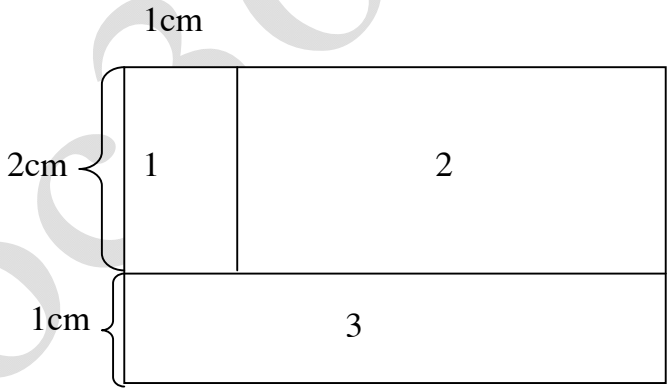

a- Hình bên có tất cả bao nhiêu hình chữ nhật?
b - Tính tổng chu vi tất cả các hình chữ nhật đó?

Đề 12

Bài 1 (3 điểm)
Tính nhanh:

a) $(27\times 6+27\times 4)-(27\times 3+27)=$

b) $(\overline{abcd}+2008)\times(20-17-3)=$

Bài 2: (4 điểm)
Tìm x :

a) $4675 - x = 4000$

b) $x+5+x+10+x=30$

c) $110 < 118 - x < 113$

Bài 3: (3 điểm)
Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó chia cho 6 rồi nhân với 7 thì được 735.

Đề 13

Bài 1:(2điểm)
Tính nhanh:
a, 24 x 2 x 2 + 2 x 12 x 6
b, 8 + 8 x 3 + 16 : 2 x 6

Bài 2:(2 điểm)
Thêm dấu ngoặc đơn vào biểu thức dưới đây để được biểu thức mới có giá trị bằng 22

3 + 8 x 4 — 2

Bài 3:(4điểm)
Cho hình vuông MNPQ có chu vi là 60 cm. Cạnh AB chia hình vuông thành hai hình chữ nhật nhỏ sao cho cạnh MA = AQ. Tính diện tích mỗi hình trong bài.

Bài 4:(2 điểm)
An nghĩ ra một số. Nếu gấp số đó lên 3 lần rồi cộng với 15 thì được 90. Tìm số An đã nghĩ.

Đề 14

Bài 1:(2điểm)
Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó trừ đi 1 rồi trừ tiếp đi 3 thì được kết quả là 5

Bài 2 :(2điểm)
Tính nhanh:
a, 11 + 28 + 24 + 16 + 12 + 9
b, 75 — 13 — 17 + 25